

Số: *187*/BC-SCT

Quảng Trị, ngày *25* tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 02 NĂM 2016

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Tháng 02 năm 2016, trùng với dịp Tết Nguyên đán nên hoạt động sản xuất công nghiệp có sự gián đoạn, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) giảm mạnh (-21,43%) so với tháng trước và chỉ tăng 0,13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến, chế tạo giảm lần lượt là 6,08% và 5,01%; Riêng ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí và ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải có sự gia tăng đột biến lần lượt là 35,07% và 21,21% (do nhu cầu trong dịp Tết Nguyên đán tăng cao).

Tính chung 2 tháng đầu năm 2016, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,09% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 2,09%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,67%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 27,66%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 18,65% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Trong tháng 2/2016, một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Phân bón NPK tăng 73,1%; điện sản xuất tăng 53,94%; lốp xe các loại tăng 37,09%; nước uống được tăng 22,56%; sẫm xe các loại tăng 15,03%; điện sản phẩm tăng 33,5%. Một số sản phẩm chững lại và giảm như: Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit giảm 77,63%; bia dạng lon giảm 48,5%; gạch xây giảm 26,62%; tấm lợp Phibro xi măng giảm 23,12%; xi măng Protland đen giảm 15,02%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 8,64%; đá xây dựng giảm 5,3%; tinh bột sắn giảm 4,8%; nước hoa quả, cam táo giảm 0,66% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:

2.1 Lĩnh vực thương mại:

Năm nay, trong dịp Tết Nguyên Đán các doanh nghiệp đồng loạt áp dụng nhiều chương trình khuyến mại, giảm giá để cạnh tranh, thu hút khách hàng; Tuy nhiên, do sức mua giảm, nên các hoạt động kinh doanh thương mại diễn ra khá trầm lắng so với các năm trước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 02/2016 ước đạt 1698,03 tỷ đồng, giảm 18,05% so với tháng trước và giảm 11,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1459,61 tỷ đồng, giảm 19,18% so với tháng trước và giảm 13,45% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 93,39 tỷ đồng, giảm 4,16%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 856,76 tỷ đồng, giảm 5,44%; kinh tế tư nhân ước đạt 509,38 tỷ đồng, giảm 11,55% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 238,41 tỷ đồng, giảm 10,34% so với tháng trước và giảm 0,32% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú ước đạt 4,2 tỷ đồng, tăng 12,0%; dịch vụ ăn uống ước đạt 161,19 tỷ đồng, giảm 1,31%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 1,67 tỷ đồng, tăng 57,67%; dịch vụ khác ước đạt 71,36 tỷ đồng, tăng 0,45% so với cùng kỳ năm trước.

2.2. Hoạt động xuất, nhập khẩu:

2.2.1. Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu tháng 02/2016 ước đạt 14,192 triệu USD, tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 92,07% so với tháng cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Hàng rau quả ước đạt 6,0 triệu USD; Gỗ ước đạt 3,322 triệu USD; sắt và các sản phẩm từ sắt ước đạt 2,5 triệu USD.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2016, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 27,799 triệu USD, tăng 59,43% so với cùng kỳ năm trước.

2.2.2. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2016 ước đạt 10,904 triệu USD, giảm 1,62% so với tháng trước và tăng 62,1% so với tháng cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: Hàng rau ước đạt 6,6 triệu USD; gỗ và các sản phẩm từ gỗ ước đạt 3,548 triệu USD.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2016, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 21,789 triệu USD, tăng 46,12% so với cùng kỳ năm 2015.

3. Chỉ số giá tiêu dùng:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2016 tăng mạnh (+2,06%) so tháng trước. Nguyên nhân là do trong dịp Tết Nguyên đán, nhu cầu mua sắm các mặt hàng tiêu dùng để phục vụ cho nhu cầu Tết tăng cao so với các ngày bình thường, dẫn đầu là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,79%; nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,25%; nhóm hàng đồ uống và thuốc lá tăng 1,51%; nhóm hàng văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,35%; thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,16%. Riêng nhóm hàng giao thông tiếp tục giảm, với mức giảm sâu là 3,76% (do giá xăng, dầu liên tiếp được điều chỉnh giảm vào ngày 03/02 và ngày 18/02/2016); Nhóm hàng nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 3,2%; Các nhóm hàng như: thuốc và dịch vụ y tế, bưu chính viễn thông, giáo dục không tăng, không giảm.

Tính chung, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2016 tăng 1,92% so với tháng 12 năm 2015 và tăng 0,88% so với tháng cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Làm việc với Sở, ngành để hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt Dự toán Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035; Tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan về hình thức lựa chọn đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Đề xuất các nội dung liên

quan thuộc Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

- Hoàn chỉnh và tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan để thu thập số liệu, tài liệu phục vụ lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng trị giai đoạn 2016 - 2025.

- Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ của Đề tài "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh"; Phối hợp với Trường Đại học Huế về triển khai các đề tài khoa học công nghệ năm 2016 do UBND tỉnh giao.

- Đôn đốc, hướng dẫn UBND huyện Hải Lăng hoàn chỉnh Đề án thành lập cụm công nghiệp Hải Chánh; Báo cáo tình hình đầu tư xây dựng và phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn năm 2015.

- Tham mưu đề xuất cơ cấu vốn đầu tư kế hoạch năm 2016 đối với Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh; Tổ chức nghiệm thu đối với hạng mục công trình Cấp điện nông thôn xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong.

- Làm việc với các ngành, lực lượng liên quan về thống nhất đề xuất thủ tục giải thể Trạm kiểm soát liên hợp Tân Hợp; Tham mưu UBND tỉnh bổ sung quy hoạch Chợ Đông Lễ, thành phố Đông Hà.

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả tình hình thị trường, giá cả và công tác đảm bảo hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán Bính Thân năm 2016.

- Tổ chức họp thống nhất và tham mưu UBND tỉnh ban hành phương án tổ chức gian triển lãm tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch năm 2016;

- Tham mưu thực hiện Thông báo số 05 -TB/BNCTU của Ban Nội chính Tỉnh ủy; Hoàn chỉnh Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Công Thương năm 2016; Ban hành Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2016 của Sở.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án thành lập Đội Quản lý thị trường số 6 thuộc Chi cục Quản lý thị trường; Tổ chức họp kiểm điểm Lãnh đạo Sở và lập hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh; Tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại Trung tâm Khuyến công & xúc tiến thương mại tỉnh.

- Phối hợp VNPT Quảng Trị tổ chức lớp tập huấn và triển khai sử dụng thí điểm phần mềm một cửa điện tử tại Sở; Báo cáo tự chấm điểm về xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của Sở.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức họp triển khai nhiệm vụ năm 2016 của Ban chỉ đạo 389, Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp tỉnh; Ban chỉ đạo Thương mại biên giới tỉnh.

III. Một số công tác trọng tâm tháng 3 năm 2016

- Phối hợp đơn vị tư vấn lập Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam Quảng Trị; Đẩy nhanh công tác đo đạc bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 phục vụ quy hoạch phân khu chức năng khu Đông Nam Quảng Trị.

- Lập hồ sơ mời thầu và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn lập Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050.

- Phối hợp chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2016; Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư vào Khu Đông Nam Quảng Trị.

- Tham mưu làm việc với các huyện thị, thành phố, doanh nghiệp về triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển công nghiệp - thương mại năm 2016.

- Tổ chức tổng kết công tác năm 2015 và triển khai nhiệm vụ năm 2016 của Ban chỉ đạo Bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp tỉnh và Ban Hội nhập và Hợp tác kinh tế quốc tế tỉnh.

- Xây dựng Chương trình hành động của ngành công thương thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Đại hội lần thứ XVI của Đảng bộ tỉnh.

- Tổ chức lớp huấn luyện về kỹ thuật an toàn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các cán bộ, người lao động tại các doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp của tỉnh năm 2015; Triển khai công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2016.

- Hoàn chỉnh, tổ chức lấy ý kiến tham gia Dự thảo đề án chuyển đổi mô hình quản lý kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Báo cáo tổng kết thực hiện Kế hoạch 218/KH – BCĐ389 ngày 01/12/2015 của Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia về Kế hoạch cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Đoàn khảo sát và trao đổi kinh nghiệm về công tác đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại tại các tỉnh biên giới Tây Nam.

- Chuẩn bị nội dung và làm việc với Đài Phát thanh truyền hình tỉnh về hoạt động bán hàng qua mạng; Triển khai thực hiện Quyết định 41/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị.

- Đôn đốc giải trình các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 75/UBND-TH ngày 08/01/2015.

- Chuẩn bị nội dung tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Hoàn chỉnh và trình Đề án tinh giản biên chế của Sở; Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2016 của Sở.

- Hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở theo Thông tư liên tịch 22/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương- Bộ Nội vụ; Quy định chức năng, nhiệm vụ của Chi cục Quản lý thị trường theo Thông tư liên tịch 34/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ để triển khai thực hiện.

- Tiếp tục triển khai sử dụng thí điểm phần mềm “một cửa điện tử” tại Sở; Tổ chức khắc phục, phòng ngừa và công bố mở rộng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của Sở.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 02 năm 2016 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 3 năm 2016; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *u/b*

KT. GIÁM ĐỐC *#*
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Hưng

Đơn vị b/c: Công Thương Tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nh/c: - SỞ ND tỉnh Quảng Trị



Biên số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

Tháng 02 năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
1	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite	Tấn	119.00	85.00	204.00	380.21	2097.21	71.43%	22.36%	9.73%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	405.49	219.78	625.27	285.71	549.71	54.20%	76.92%	113.75%
3	Đá xây dựng	m ³	61900	51520	113420	54403	113629	83.23%	94.70%	99.82%
4	Tinh bột sắn	Tấn	9811.32	6603.77	16415.09	6937.74	17390.57	67.31%	95.2%	94.39%
5	Bia dạng lon	1000 lít	881.20	850	1731	1650	3200	96.46%	51.5%	54.10%
6	Nước hoa quả, cam táo	1000 lít	1360	750	2110	755	1605	55.15%	99.34%	131.46%
7	Gỗ cửa, gỗ xẻ	m ³	8520	5200	13720	5692	16642	61.03%	91.36%	82.44%
8	Ván ép (gỗ MDF)	m ³	6706	6000	12706	5568	11888	89.47%	107.76%	106.88%
9	Dầu nhựa thông	Tấn	100	70	170	84	204	70.00%	83.33%	83.33%
10	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất	Tấn	450	300	750	384	834	66.67%	78.1%	89.93%
11	Phân bón NPK	Tấn	4120	2600	6720	1502	5392	63.11%	173.10%	124.63%
12	Lốp xe các loại	1000 cái	190	70	260	51.06	171.40	36.84%	137.09%	151.69%
13	Săm xe các loại	1000 cái	250	158	408	137.36	371.63	63.20%	115.03%	109.79%
14	Gạch xây	1000 viên	12160	9070	21230	12360	24960	74.59%	73.38%	85.06%
15	Xi măng Protland đen	Tấn	23100	20520	43620	24143	40643	88.83%	84.99%	107.32%
16	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	352	204	556	265	597	57.89%	76.88%	93.05%
17	Điện sản xuất	Triệu Kwh	29.12	28.57	57.69	18.56	40.42	98.11%	153.94%	142.74%
18	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	38.00	39.00	77.00	34.36	72.26	102.63%	113.50%	106.56%
19	Nước uống được	1000 m ³	935.00	940.00	1875.00	767.00	1568.00	100.53%	122.56%	119.58%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
2	Hàng rau quả	"	5.893	6.000	11.893	1.448	1.797	101.82%	414.4%	661.83%
3	Cà phê	"	0.650	0.285	0.935	-	0.5	43.85%	-	187.00%
4	Gạo	"	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Sắn và các sản phẩm từ sắn	"	1.789	2.500	4.289	0.723	2.913	139.74%	345.8%	147.24%
6	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	0.160	0.120	0.280	0.297	0.337	75.00%	40.4%	83.09%
7	Quặng và khoáng sản khác	"	-	-	-	0.415	0.646	-	-	-
8	Phân bón các loại	"	0.031	0.045	0.076	-	-	145.16%	-	-
9	Sản phẩm từ chất dẻo	"	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Cao su	"	0.475	0.408	0.883	-	-	85.89%	-	-
11	Gỗ	"	3.198	3.322	6.520	2.628	5.85	103.88%	126.4%	111.45%
12	Sắt thép	"	0.075	0.080	0.155	-	-	106.67%	-	-
13	Phương tiện vận tải và phụ tùng	"	0.504	0.600	1.104	-	-	119.05%	-	-
14	Điện	"	0.450	0.450	0.900	0.279	0.429	100.00%	161.3%	209.79%
15	Hàng hóa khác	"	0.382	0.382	0.764	0.628	1.728	100.00%	60.8%	44.21%
IV	Nhập khẩu	1000 USD	11.083	10.904	21.987	6.726	15.047	98.38%	162.1%	146.12%
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	"								
1	Kinh tế Nhà nước	"	0.323	0.33	0.65	0.253	0.294	102.17%	130.4%	222.11%
2	Kinh tế tư nhân	"	10.16	10.521	20.681	6.22	14.055	103.55%	169.1%	147.14%
3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	0.6	0.053	0.653	0.253	0.698	8.83%	20.9%	93.55%
	<i>Phân theo mặt hàng chủ yếu</i>	"								
1	Sữa và các sản phẩm từ sữa	"	-	-	-	0.06	0.65	-	-	-
2	Hàng rau	"	6.391	6.6	12.991	1.403	0.914	103.27%	470.4%	1421.33%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2/1</i>	<i>7=2/4</i>	<i>8=3/5</i>
3	Clanhke	"	0.005	0.003	0.008	1.403	1.794	60.00%	0.2%	0.45%
4	Chất dẻo (Plastic) nguyên liệu	"	0.026	0.03	0.056	0.007	0.022	115.38%	428.6%	254.55%
5	Cao su	"	-	-	-	0.253	0.406	-	-	-
6	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ	"	3.107	3.548	6.655	4.469	10.393	114.19%	79.4%	64.03%
7	Kim loại thường	"	-	-	-	0.23	0.375	-	-	-
8	Hàng hóa khác	"	1.554	0.723	2.277	0.304	1.127	46.53%	237.83%	202.04%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 02/2016

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 02/2016		Tháng 01/2016			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng - 02/2016 so với tháng 02/2015
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 01 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 01/2016	So với tháng 02/2015	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	181.85	109.60	138.58	78.57	100.13	105.09
1. Công nghiệp khai khoáng	48.61	108.77	33.08	68.09	93.92	102.09
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	212.61	107.81	160.08	76.62	94.99	101.67
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	69.85	120.99	60.20	93.55	135.07	127.66
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	137.53	116.18	137.98	100.33	121.21	118.65